TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1043**/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 15/8/2017
V/v **:** *Ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Hà Thanh Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân : 1/ Bà **Lê Thị Nhanh**
2/ Ông **Phạm Văn Hễ**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Nguyễn Thị Yến Oanh**– Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2017 và ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 277/2016/TLST-HN ngày 27 tháng 6 năm 2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2017/QĐ-ST ngày 29 ngày 6 tháng 2017 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Ông **Bùi VA.** Sinh năm: 1974
Địa chỉ : 123 phố VC, phường LG, quận B, thành phố Hà Nội.
Bị đơn : Bà **Nguyễn Th T.** Sinh năm: 1971
Địa chỉ : 309 Block B Chung cư C, phường AP, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Nguyễn Thành C** – Công ty TNHH DPL - Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh (Có mặt).
Trụ sở: 19B đường C, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2016 của nguyên đơn – ông Bùi VA trình bày như sau:

Bà Nguyễn Th T và ông Bùi VA tự nguyện chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận N , thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn vào sổ số 04 quyển số 1/2001 ngày 15/02/2001. Vợ chồng chung sống có hai con chung tên Bùi Nguyễn TA (giới tính nam) sinh ngày 15/4/2004 và Bùi Nguyễn HA (giới tính nữ) sinh ngày 15/9/2006. Quá trình chung sống, do bất đồng về

quan điểm sống, công việc, sinh hoạt gia đình và cách nuôi dạy con nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2012, ông Bùi VA nhận nhiệm vụ làm việc tại Italia. Thời gian vợ chồng xa cách mặc dù ông đã thực hiện các thủ tục cần thiết để bà T cùng các con cùng sang Italia để gia đình có cơ hội gần gũi chăm sóc lẫn nhau nhưng bà T không sang khiến cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, đôi bên phải sống ly thân. Nhận thấy thời gian ly thân đã 04 năm, khoảng cách địa lý khiến tình cảm vợ chồng thật sự không còn, khó có khả năng hàn gắn hạnh phúc nên ông Bùi VA yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Th T.

Ông Bùi VA xin vắng mặt tại Tòa nhưng có văn bản xác định yêu cầu cụ thể:

Về con chung: Ông Bùi VA khai hiện hai con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý tiếp tục cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại thu nhập của ông là 980 USD/tháng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng là 50% mức thu nhập.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu tranh chấp về tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bà Nguyễn Th T trình bày: Thừa nhận tình trạng kết hôn và thời gian chung sống của bà và ông Bùi VA đúng như phần trình bày của ông Bùi VA. Về lý do xin ly hôn thì bà cho rằng ông Bùi VA có tình cảm với người phụ nữ khác nên không quan tâm chăm sóc tới vợ con. Từ năm 2012 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vọ chồng rạn nứt không hàn gắn được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi VA.

Về con chung: Bà T khai vợ chồng chung sống có hai con chung tên Bùi Nguyễn TA (giới tính nam) sinh ngày 15/4/2004 và Bùi Nguyễn HA (giới tính nữ) sinh ngày 15/9/2006. Hiện hai con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T xin tiếp tục nuôi cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện hai trẻ đang học tại trường quốc tế AQ với mức chi phí mỗi năm cho mỗi trẻ là khoảng từ 450.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng. Ông Bùi VA thu nhập mỗi tháng khoảng 50.000.000 đồng. Ngoài ra bà được biết ông A có mở công ty để kinh doanh nhưng chưa tìm hiểu nên không thể cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Bà yêu cầu ông Bùi VA cấp dưỡng nuôi con mỗi năm cho mỗi trẻ là 315.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng năm.

Về tài sản chung: Bà T khai có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Tại phiên toà :

Luật sư bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi VA đối với bà Nguyễn Th T. Tiếp tục giao quyền nuôi dưỡng

hai con chung cho bà T. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc ông Bùi VA phải cấp dưỡng nuôi con mỗi năm cho mỗi trẻ là 315.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối đề nghị:

+ Về quan hệ vợ chồng: Ông Bùi VA được ly hôn với bà Nguyễn Th T.

+ Về con chung: Giao hai trẻ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Không chấp nhận yêu cầu của bà T đòi ông Bùi VA cấp dưỡng nuôi con mỗi năm cho mỗi trẻ là 315.000.000 đồng. Buộc ông Bùi VA cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 6.000.000 đồng cho mỗi trẻ.

+ Về tài sản chung: Không yêu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Ông Bùi VA phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định :

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 1/2001 được lập tại Ủy ban Nhân Dân Phường T, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/02/2001 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi VA và bà Nguyễn Th T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do phát sinh mâu thuẫn nên ông Bùi VA nộp đơn xin ly hôn bà Nguyễn Th T. Bà T có địa chỉ cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh, ông Bùi VA có địa chỉ trụ sở làm việc và thường xuyên cư trú tại Via Po 22, 00198 Roma, Italia nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Về việc vắng mặt của ông Bùi VA và bà Nguyễn Th T: Xét thấy ông Bùi VA có đơn xin vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án lập ngày 02/5/2017 và bà Nguyễn Th T có đơn xin vắng mặt lập ngày 04/4/2017. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi VA, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Theo lời trình bày của bà T và ông Bùi VA có trong hồ sơ thì đôi bên đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn

nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi. Do đặc thù của công việc nên ông Bùi VA thường xuyên phải xa nhà đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng không còn tin tưởng lẫn nhau. Đôi bên cũng thừa nhận vợ chồng ly thân không còn chung sống từ khoảng 5 năm nay và cũng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng thì việc ông Bùi VA và bà Nguyễn Th T đã không đảm bảo quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong quá trình chung sống dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Tòa, bà T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu ông Bùi VA. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc ông Bùi VA yêu cầu ly hôn bà T là có căn cứ pháp luật phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Theo lời trình bày ông Bùi VA và bà T khai có hai con chung là Bùi Nguyễn Tiến An sinh ngày 15/4/2004 và Bùi Nguyễn Hải Anh sinh ngày 15/9/2006 và thỏa thuận giao bà T được trực tiếp nuôi hai con. Xét thấy đây là sự tự nguyện không trái pháp luật của ông Bùi VA và bà Nguyễn Th T và sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ nên nên Hội đồng xét xử ghi nhận về việc tiếp tục giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm và chăm sóc con chung của ông Bùi VA. Ông Bùi VA có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo luật định nếu có yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo trình bày của bà T thì hai con chung hiện đang theo học tại Trường Quốc tế AQ với mức chi phí mỗi năm cho mỗi trẻ là khoảng từ 450.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng. Ông Bùi VA thu nhập mỗi tháng khoảng 50.000.000 đồng nên yêu cầu ông Bùi VA cấp dưỡng nuôi con mỗi năm cho mỗi trẻ là 315.000.000 đồng. Xét thấy: Việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên sau ly hôn là nghĩa vụ của cha và mẹ. Do sau ly hôn các trẻ được giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên việc bà T yêu cầu ông Bùi VA phải cấp dưỡng nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ do ông Anh xuất trình bao gồm: Tờ khai xác nhận thu nhập có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Italia ngày 29/6/2017 thì mức thu nhập hiện tại của ông Bùi VA là 980 USD/tháng (tương đương khoảng 20.000.000 đồng). Việc bà T khai thu nhập của ông Bùi VA 50.000.000 đồng/tháng nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Tại bản khai do ông Bùi VA lập ngày 29/6/2017 thì ông Bùi VA tự nguyện cấp dưỡng 50% mức thu nhập hàng tháng cho hai con chung. Do vậy Hội đồng xét xử buộc ông Bùi VA cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi tháng cho mỗi trẻ là 6.000.000 đồng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hợp lý và mức cấp dưỡng này cũng đáp ứng với mức chi phí sinh hoạt học tập trung bình của trẻ theo mặt bằng chung của xã hội Việt Nam trong điều kiện thu nhập thực tế hiện tại của ông Bùi VA. Việc bà T buộc ông Bùi VA phải cấp dưỡng nuôi con 315.000.000 đồng/năm

định kỳ hàng năm cho mỗi trẻ là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung*:* Đôi bên khai không yêu cầu tranh chấp tại Tòa án nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nợ chung*:* Đôi bên khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 thì ông Bùi VA phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Xử :

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Bùi VA:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Ghi nhận việc bà Nguyễn Th T đồng ý ly hôn đối với ông Bùi VA . Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ số 04 quyển số 1/2001 ngày 15/02/2001 được lập tại Ủy ban Nhân Dân Phường T, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Th T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Bùi Nguyễn TA (giới tính nam) sinh ngày 15/4/2004 và Bùi Nguyễn HA (giới tính nữ) sinh ngày 15/9/2006.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Bùi VA phải cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 6.000.000 đồng cho mỗi trẻ. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên.

Bà T và các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm và chăm sóc con chung của ông Bùi VA.

Vì quyền lợi của con chung việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Đôi bên khai không yêu cầu tranh chấp tại Tòa án.

- *Về nợ chung:* Đôi bên khai không có.

2/ *Về án phí ly hôn sơ thẩm :*

Ông Bùi VA phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AE/2011/02936 ngày 13/6/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi VA phải nộp thêm án phí sơ thẩm là 200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu ông Bùi VA thi hành cấp dưỡng nuôi con nếu ông Bùi VA không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán tương ứng với khoảng thời gian chưa thi hành án.

Các bên đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ *Về quyền kháng cáo*: Ông Bùi VA và bà Nguyễn Th T có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho ông Bùi VA và bà Nguyễn Th T.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân P.T, Q.N;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Thủy